ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ- XÃ HỘI TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI KHƠ MÚ Ở HUYỆN NGOI TỈNH LUANG PRABANG, NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

Hoàng Thị Mỹ Hạnh*, Chanhthasone Sihalad
Trường Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Tộc người Khơ Mú là một trong những dân tộc của cộng đồng dân tộc Lào. Trong quá trình cộng cư với các dân tộc anh em, họ đã hình thành và bảo tồn những giá trị kinh tế, văn hóa độc đáo của tộc người mình, vừa mang nét chung vừa chứa đựng những yếu tố riêng biệt. Huyện Ngoi, tỉnh Luang prabang có nhiều dân tộc sinh sống và làm ăn từ lâu đời như dân tộc Lào, Mông, Khơ Mú... Trong đó, người Khơ Mú chiếm tỷ lệ dân số đông nhất. Trải qua những biến động của lịch sử, kinh tế - xã hội của người Khơ Mú, huyện Ngoi đã có những thay đổi góp phần vào sự phát triển của tỉnh Luangprabang nói chung, huyện Ngoi nói riêng đồng thời bảo tồn, phát huy những giá trị cao đẹp trong cộng đồng tộc người.

Từ khóa: *Lào, Luang Prabang, dân tộc, Khơ Mú, kinh tế - xã hội*

VÀI NÉT KHÁI QUÁT VỀ NGƯỜI KHƠ MÚ Ở HUYỆN NGOI TỈNH LUANG PRA BANG

Trước khi có tên gọi là Khơ Mú, dân tộc này có nhiều tên gọi khác nhau. Người Khơ Mú ở Tây Bắc và Nghệ An của Việt Nam tự gọi mình là Kha mụ, Kưm Mụ, Cư Mụ (đều có nghĩa là người hay cộng đồng người).

Người Khơ Mú ở Lào gọi tên của dân tộc mình là *"Kăm Mú hoặc Kơm Mú"* dịch nghĩa là con người. Ngày trước, người Lào gọi người Khơ Mú là *"người Khóm"*. Đây là tên gọi chung của các dân tộc nói ngôn ngữ Môn - Khơme. Thế kỷ XIV, thời vua Phạ Ngùm, người Khơ Mú được gọi là Khả cầu, Tay têng, Lào kang, Lao thêng…[4]. Trong Hội thảo ngày 27 – 28 /12/2001, các nhà dân tộc học Lào đã thống nhất gọi tên là "Kưm Mụ" [2].

Khơ Mú là bộ tộc có dân số khá đông, cả nước Lào có hơn 500.000 người Khơ Mú đang sinh sống và làm ăn cùng với các dân tộc khác ở vùng Trung Lào và Bắc Lào. Dân tộc Khơ Mú có lịch sử truyền thống từ lâu đời. Các nhà dân tộc học của Lào chia người Khơ Mú ở Lào thành 2 nhóm: Khơ Mú U (định cư ở Phongsaly, Udomxay, Luang Prabang, Hua Phan, Vieng Chan và Bolikhanxay) và Khơ Mú roc (Xayyabouly, Luang Namtha, Bokeo) [3].

Xã hội của người Khơ Mú phát triển đến thời kỳ Khún Chương trải rộng trên nhiều lãnh thổ của đất nước Lào và khu vực Đông Nam Á từ hàng nghìn năm trước, phát triển với hình thức "Mường cổ". Người Khơ Mú tập trung sinh sống theo nhóm và theo dòng họ, mỗi nhóm đều có một thủ lĩnh là người cai quản của từng mường như mường Pakăn (Xieng Khuang), mường Xoa (Luang Pra Bang), Xieng Xen, Xieng Hung… Trong thời kỳ đó, kinh tế phát triển đáng kể, công cụ lao động bằng kim loại được sử dụng trong lao động sản xuất; xã hội bắt đầu hình thành cơ cấu tổ chức với hệ thống là "Khún" có nghĩa là thủ lĩnh và "Con" có nghĩa là con dân.

Tỉnh Luang Prabang là nơi có người Khơ Mú tập trung ở các huyện như Luang Prabang, Chomphet, Pak-Ou, Nambak, Ngoi, Nan, Phoukhoun, Phonxai, Xieng Ngeun, Pakxeng, Viengkham và Phonthong. So với các huyện trên địa bàn tỉnh, người Khơ Mú ở Ngoi chiếm tỷ lệ dân số đông nhất. Theo tài liệu điều tra của Ủy ban nhân dân huyện Ngoi năm 2015, cả huyện Ngoi có 20.621 người Khơ Mú trong đó có 10.416 nam, 10.205 nữ [5].

Địa bàn cư trú người Khơ Mú ở huyện Ngoi chủ yếu là vùng núi cao, đất dốc, ven suối, ít có nơi phù hợp để khai phá làm ruộng nước. Theo tập quán, người Khơ Mú thường dựng

* *Tel: 0942 781982; Email: hoangmyhanh@dhsptn.edu.vn*

bản ở lưng chừng núi, ven suối, họ thường định cư trong các ngôi làng nhỏ, mỗi bản chỉ vài chục nóc nhà gồm mấy dòng họ cùng chung sống đoàn kết. Theo phong tục cổ truyền, mỗi dòng họ của dân tộc này đều mang tên một loài vật hoặc cỏ cây. Có dòng họ coi thú, chim hoặc lấy một loại cây là tổ tiên ban đầu của mình, nên họ kiêng giết thịt và ăn thịt các loại động, thực vật. Họ sống xen kẽ, hòa thuận với các dân tộc khác nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa đặc sắc của mình.

ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI KHƠ MÚ Ở HUYỆN NGOI

Huyện Ngoi là một huyện vùng cao, nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa. Điều kiện khí hậu, đất đai, nguồn nước của huyện rất thuận lợi cho phát triển và sản xuất nông, lâm nghiệp. Điều kiện tự nhiên thuận lợi là nhân tố rất quan trọng tác động đến hoạt động kinh tế của các dân tộc trong huyện.

Nương rẫy có vị trí quan trọng trong nền nông nghiệp của người Khơ Mú. Họ đã tích lũy được kiến thức bản địa hàng nghìn năm nay trong sử dụng tài nguyên đất, rừng. Trong những năm đầu nương mới được khai phá, người Khơ Mú tiến hành trồng lúa. Đất đai nơi canh tác của người Khơ mú thường xấu do đất dốc, thiếu nước vào mùa khô dẫn đến tình trạng năng suất cây trồng không cao. Sau 2 năm khi đất nương đã bạc màu, người dân trồng ngô và sắn. Ngoài ra, họ trồng một số loại rau cải, bầu, bí ở trên nương để có rau phục vụ bữa ăn hàng ngày.

Từ kinh tế nương rẫy truyền thống, dân tộc Khơ Mú đã đúc kết cho mình kinh nghiệm sản xuất canh tác, dựa vào trời mây, con vật di chuyển để đoán biết thời tiết để trồng lúa nương, lúa nếp, lúa tẻ, trồng ngô, khoai, sắn, bầu bí.

Bên cạnh trồng trọt, chăn nuôi là ngành không thể thiếu trong kinh tế nông nghiệp. Trước đây, việc chăn nuôi của người Khơ Mú vẫn giữ nguyên tập quán thả rông, không có chuồng trại cố định, ít được chăm sóc, nguồn thức ăn chủ yếu lấy từ tự nhiên. Chính vì vậy, năng suất chăn nuôi không cao, lại thêm nhiều dịch bệnh khiến cho việc chăn nuôi gia súc gia cầm ở người Khơ mú trở nên rất khó khăn.

Trong những năm gần đây, chăn nuôi của dân tộc Khơ Mú ở huyện Ngoi có bước phát triển. Phương thức chăn nuôi là nửa thả rông, nửa chăm sóc. Với điều kiện tự nhiên thuận lợi như núi đồi, ao hồ, đồng cỏ nhiều nên việc chăn nuôi của cư dân Khơ Mú ở huyện Ngoi rất thuận lợi, chủ yếu là trâu, bò, ngoài ra còn dê, lợn, gà, vịt. Chăn nuôi dần trở thành hoạt động kinh tế chiếm vị trí quan trọng. Tuy nhiên, việc chăn nuôi mới phát triển ở phạm vi gia đình và chủ yếu là phục vụ nhu cầu tự cấp, tự túc là chính.

Người Khơ Mú cũng biết làm một số nghề phụ như đan lát, kéo sợi, dệt vải, làm mộc. Những sản phẩm thủ công chủ yếu phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất của gia đình. Trong quá trình lao động sáng tạo, người Khơ Mú đã tạo ra các vật dụng, dụng cụ thủ công bằng tre nứa mang dấu ấn bản sắc văn hóa độc đáo của dân tộc mình.

Khai thác lâm thổ sản không phải là công việc thường xuyên, mà theo mùa vụ hoặc những công việc đồng áng nhàn rỗi. Trên địa bàn cư trú của người Khơ Mú có nhiều nguồn lâm thổ sản như gỗ, tre, giang, măng rừng, mộc nhĩ, nấm hương... Thông thường, phụ nữ thường đi hái măng nứa, măng giang, rau rừng, mộc nhĩ, nấm hương. Đây là nguồn thực phẩm chính đáng kể trong các bữa ăn hàng ngày, đồng thời có thể trở thành hàng hóa trao đổi, mua bán. Còn đàn ông đi lấy gỗ, xẻ gỗ phục vụ cho việc kiến thiết nhà cửa.

Việc tìm kiếm thức ăn dưới nước như mò cua, bắt cóc, đánh cá cũng được tiến hành thường xuyên. Họ thường dùng một loại cây hoặc quả độc thường mọc ngay ở bờ suối rồi giã nát thả xuống một khúc sông rồi dùng nơm, lưới để bắt. Phương pháp đánh bắt này rất lãng phí vì mỗi lần đánh bắt như vậy cá nhỏ sẽ chết hết. Hiện nay, người Khơ Mú đã được thực hiện hình thức đánh bắt là lưới, câu. Thủy sản khai khác được của người Khơ mú khá đa dạng,

nhìn chung có hai dạng phổ biến là sản phẩm thủy sản có giá trị cao, là các loại cá lớn, thịt ngon, bán cho người khác được giá cao; thủy sản có giá trị thấp thường là các loại cá, tôm có kích cỡ nhỏ hay các loại rong, rêu, ốc… thường bán với giá thấp nên người dân chủ yếu dùng để ăn.

Cùng với hái lượm và đánh cá, săn bắn cũng góp thêm phần quan trọng trong bữa ăn hàng ngày. Trước đây khi còn nhiều các loại thú rừng như nai, lợn rừng... họ thường tổ chức săn bắn tập thể, phương tiện săn bắn là súng kíp và họ có những đàn chó săn được huấn luyện khá thuần thục. Ngoài việc tổ chức đi săn bắn tập thể, họ còn đi săn bắn cá nhân và đánh bẫy.

Việc trao đổi hàng hóa thông qua các phiên chợ đã xuất hiện từ lâu ở người Khơ Mú. Tuy nhiên, trong cộng đồng người Khơ Mú ở Ngoi chưa hình thành một tầng lớp thương nhân chuyên nghiệp. Người dân thường mang ra chợ bán các loại gia cầm cùng các loại nông phẩm và các sản phẩm hái lượm bán lấy tiền mua các nhu yếu phẩm cần thiết như vải, quần áo, dầu hỏa, muối, mì chính...

Như vậy, từ những nghiên cứu trên, ta có thể thấy được đặc trưng cơ bản trong nền kinh tế của người Khơ Mú. Trong trồng trọt, cây lúa giữ vai trò chủ đạo, chăn nuôi là nghề phụ nhưng có mối quan hệ khăng khít với trồng trọt, quy mô chăn nuôi tùy thuộc vào hoàn cảnh của từng gia đình. Hoạt động thủ công nghiệp ở mức độ nhỏ, đóng khung trong phạm vi gia đình chủ yếu để phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt gia đình. Hái lượm và đánh bắt cá vẫn đóng vai trò đánh kể trong đời sống kinh tế. Có thể nói rằng toàn bộ nền kinh tế của người Khơ Mú đến nay chủ yếu vẫn mang tính tự túc tự cấp.

ĐẶC ĐIỂM XÃ HỘI TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI KHƠ MÚ Ở HUYỆN NGOI

Thiết chế bản làng

Bản trong tiếng Khơ Mú là ‘‘cung’’- Đây là đơn vị cơ sở của xã hội người Khơ Mú gồm nhiều tiểu gia đình phụ quyền bao gồm là cha mẹ và con gái. Với người Khơ Mú, tên làng cũng là một biểu hiện chỉ nơi cư trú của cộng đồng người. Tuy nhiên, do cuộc sống du canh, du cư chi phối nên tên bản thường không gắn bó lâu bền và thân thiết như các dân tộc ở vùng thung lũng chân núi (Lào). Cứ mỗi lần thay đổi nơi cư trú, bản lại được mang tên mới, vì vậy, có nhiều bản Khơ Mú ở huyện Ngoi do chuyển cư nhiều lần, người dân ở những bản đó chẳng mấy ai còn nhớ tên gọi cũ nữa. Tại những vùng đất mới đến, dựa theo đặc điểm tự nhiên, người ta đặt tên cho bản và những tên ấy hoàn toàn mang tiếng Lào. Có thể nói, số lượng tên bản gọi dựa theo đặc điểm tự nhiên chiếm tỷ lệ khá lớn, hầu như không thấy xuất hiện tên bản mang tên người hoặc tên dòng họ. Mỗi bản gồm vài chục ngôi nhà sàn bố trí theo từng địa thế của địa hình tự nhiên, không theo một nguyên tắc nào. Xung quanh bản và ở từng ngôi nhà, không có hàng rào phòng thủ, không có vườn tược, điều đó đủ nói lên cuộc sống tạm bợ của cư dân vùng du canh, du cư.

Ngoài khu vực cư trú, bản còn có đất canh tác, rừng núi, sông suối, bãi chăn nuôi, nơi chôn cất người chết, đường đi lối lại. Mọi thành viên sinh sống ở đó được phép khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên cho cuộc sống, nhưng khi di chuyển đi nơi khác thì mất quyền đó. Ranh giới giữa các bản cũng được hình thành dựa trên các yếu tố tự nhiên như khe suối hay lối mòn; đỉnh núi hoặc cây cổ thụ. Tuy nhiên, các ranh giới được hình thành như trên cũng chỉ mang tính ước lệ, người bản này có thể làm trên đất của bản kia mà không bị xử phạt. Bản của người Khơ Mú cơ bản tập hợp theo quan hệ láng giềng, có nghĩa là một bản có nhiều gia đình, thuộc nhiều dòng họ khác nhau cư trú. Trong mỗi bản có 3-4 dòng họ, nhưng cũng có bản tới 6-7 dòng họ, có một, hai dòng họ đông người, những dòng họ này có công đến lập bản đầu tiên, tuy nhiên, không vì chiếm số đông mà lấn áp quyền lợi của các dòng họ khác. Trong bản, quan hệ láng giềng ngày càng được củng cố

bền chặt, các dòng họ thường gắn kết lại với nhau bởi mối quan hệ "tai hem" (kết bạn). Chính những quan hệ đó là cơ sở cho việc tương trợ về kinh tế và ngăn cản một mức độ nhất định không cho các hình thái bóc lột của một xã hội có giai cấp xâm nhập vào.

Thiết chế tự quản là tổ chức xã hội tự quản. Bản của người Khơ Mú thông qua bộ máy điều hành do dân lựa chọn, theo chuẩn mực của dân tộc. Cấu thành của bộ máy tự quản là các chức vị có nhiệm vụ khác nhau đến nay vẫn còn bảo tồn. Bộ máy đó bao gồm:

Trong ngôn ngữ Khơ Mú, L'guun có nghĩa là trưởng bản. Xưa kia người được làm trưởng bản thường là người của dòng họ có đông thành viên và là người có tuổi, uy tín nhất bản. L'guun có trách nhiệm duy trì sự hòa thuận giữa các thành viên trong làng, có quyền xử phạt những ai vi phạm luật tục. Chức L'guun trước đây thường "cha truyền con nối", còn ngày nay do dân bản bầu bằng bỏ phiếu kín. Người được chọn giữ chức vụ L'guun không giới hạn tuổi tác, miễn sao người đó có tài, có đức, biết làm ăn và giữ được uy tín. Nhiệm vụ của người trưởng bản là quán xuyến toàn bộ các công việc có liên quan đến lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, an ninh trật tự. Mặc dù trách nhiệm được dân bản tin tưởng giao phó đè nặng trên vai, nhưng L'guun không hề có một biểu tượng nào thể hiện uy quyền của mình, ông ta như mọi người dân thường khác, cũng phải lao động mới có ăn.

Bên cạnh L'guun, già bản cũng đóng vai trò quan trọng trong xã hội của người Khơ mú, họ là những người tích lũy được nhiều kinh nghiệm, có sự am hiểu sâu rộng về cách thức làm ăn và tri thức dân gian trong việc chọn đất, chọn giống cây trồng, vật nuôi, họ trao truyền những hiểu biết đó cho con cháu, đồng thời cũng rất thông thạo các phong tục tập quán, giỏi về đối nội, đối ngoại. Vì vậy, họ được dân làng vị nể. Có thể nói già bản là cố vấn cao nhất về phong tục tập quán, về kinh nghiệm sản xuất, về đối nhân xử thế cho cá nhân và cho cả cộng động. Chính vì lẽ đó mà nhiều công việc của bản, trưởng bản đều tranh thủ xin ý kiến của già làng.

Những người làm nghề tôn giáo là những người đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của cộng đồng. Họ là người thay mặt cộng đồng giao thiệp với thế giới "thần linh", cúng chữa bệnh cho người ốm bằng hình thức bói toán, đuổi ma, trừ tà. Ở bản Khơ Mú, những người làm nghề tôn giáo được phân biệt thành nhiều thứ bậc, có tên gọi riêng và chủ trì các nghi lễ khác nhau. Nhìn chung, vai trò của bộ máy tự quản cho đến nay vẫn còn tồn tại và hoạt động rất có hiệu quả. Sự đoàn kết, nhất trí trong cộng đồng và uy tín của người đứng đầu đảm bảo cho sự vận hành của bộ máy tự quản.

Tính cộng đồng là đặc điểm nổi bật của người Khơ Mú. Họ luôn có tinh thần tương trợ giúp đỡ trong đời sống hàng ngày. Hình thức trao đổi công được duy trì, hết thời vụ mà gia đình nào chưa kịp trả hết công cho nhà khác sẽ để lại vào mùa sau. Những gia đình neo đơn, gặp hoạn nạn được dân làng giúp đỡ. Những lúc mất mùa, đói kém, người trong bản thường cưu mang nhau, nhà nào có dư dật hơn sẵn sàng cho nhà thiếu vay một vài yến thóc hay gạo nếp, không tính lãi. Những lúc gia đình nào có công việc như tang ma, cưới xin, làm nhà, mọi người trong trong làng đều có tinh thần trách nhiệm đến giúp.

Sinh hoạt văn hóa

Trong sinh hoạt văn hóa tinh thần của người Khơ Mú ở huyện Ngoi, ngoài những hình thái tín ngưỡng tôn giáo, không thể không nhắc đến sinh hoạt văn học nghệ thuật dân gian lâu đời của tộc người. Kho tàng truyện cổ tích, thơ ca, hò vè phổ biến rộng rãi trong cộng đồng với các đề tài đấu tranh với thiên nhiên, lao động sản xuất, quan hệ xã hội và gia đình thể hiện ước vọng có được một cuộc sống ấm no hạnh phúc. Có những câu chuyện kể về tình yêu thủy chung của nam nữ thanh niên, những cốt truyện nói lên sức mạnh của con người trong việc chế ngự, chinh phục thiên

nhiên như chuyện "Gúut brị đương ah bợ" (Bắt thiên lôi ăn thịt). Tính chất ca ngợi chính nghĩa, ca ngợi tinh thần đấu tranh chống áp bức thể hiện rõ trong "Chàng mồ côi", "Sự tích con ong mật"... để lại nhiều ấn tượng sâu sắc, có tác dụng giáo dục tình yêu, kính trọng, lòng hiếu thảo của con cái đối với bố mẹ [1].

Trong vốn văn hóa nghệ thuật dân gian của người Khơ Mú, "Trkleh" (nghĩa là hát thơ) là một hình thức sinh hoạt phong phú hấp dẫn nhất, không những làm thanh niên nam nữ, mà cả già trẻ đều mê say. Trkleh có nhiều hình thức hát trong đám cưới, hát tháng giêng (hát hội), hát chúc tụng các cụ.

Ngoài Trkleh, người Khơ Mú còn có những điệu múa đặc sắc như múa "Kưmoong" nghĩa là múa gươm giáo, múa mừng lúa mới... Trước đây, những điệu múa này được dùng trong các cúng bái, và ngày hội năm mới. Hiện nay, một số điệu múa của họ được cải biên trở thành các tiết mục trong chương trình biểu diễn của đoàn ca múa nhạc địa phương chẳng hạn như điệu múa Kưmoong, múa Khróp Khrẹp. Những điệu múa được trình theo những bài ca nhất định và có nhạc cụ đệm nhịp khèn tết năm mới người Khơ Mú còn có nhiều trò chơi như nam nữ nhảy Khróp Khrẹp (Khróp Khrẹp có nghĩa là dùng để múa đôi nam – nữ), thi đua kéo co, trẻ con thi đánh quay.

KẾT LUẬN

Huyện Ngoi là một trong những huyện thuộc tỉnh LuangPrabang, có quá trình có nhiều dân tộc làm ăn sinh sống xen kẽ, hòa hợp với nhau, đông nhất là Khơ Mú. Đặc điểm kinh tế - xã hội của người Khơ Mú ở huyện Ngoi thể hiện đời sống kinh tế, văn hóa của người Khơ Mú nơi đây khá phong phú, đa dạng, thể hiện sự chuyển biến theo thời gian. Trải qua quá trình phát triển của lịch sử, kinh tế - xã hội của người Khơ Mú huyện Ngoi đã góp phần vào sự phát triển của tỉnh Luangprabang nói chung, huyện Ngoi nói riêng nhằm bảo tồn, phát huy những giá trị cao đẹp trong cộng đồng tộc người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sonphet Amphon (2017), Hôn nhân và gia đình của người Khơ Mú ở huyện Phương, tỉnh Viêng Chăn (CHDCND Lào) từ năm 1975-2015. Luận văn Thạc sĩ nhân văn, Thái Nguyên, tr22.

2. Sinxay Keomanivong, *Các dân tộc ở nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, Cục Dân tộc học, tr48.

3. Souksavang Simana và Elisabeth Presig (1990), *Nghiên cứu về vấn đề phong tục tập quán của người Khơ Mú*, Nxb Quốc gia Lào, Viêng Chăn, tr. 1-2.

4. Viện nghiên cứu dân tộc và tôn giáo Lào (2009), *Tìm hiểu các dân tộc Lào*, Nxb Sibunhương, Viêng Chăn, tr4.

5. Ủy ban nhân dân huyện Ngoi (2015), Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2009-2014 và chiến lược 5 năm 2015-2019 của Huyện Ngoi.

SUMMARY

THE SOCIO-ECONOMIC CHARACTERISTICS OF NGOI DISTRICT, LUANG PRABANG PROVINCE, LAO PEOPLE'S DEMOCROTIC REPUPLIC

Hoang Thi My Hanh*, Chanhthasone Sihalad
University of Education - TNU

The Kho Mu are one of the ethnic groups of the Lao ethnic group. During the process of colonization with their peoples, they formed and preserved the unique economic and cultural values of their people, bearing both the commonality and the individual elements. Ngoi district, Luang prabang province has many ethnic groups living and doing long - standing business such as Laos, Mong, Kho Mu ... In which, Kho Mu people account for the largest proportion of population. Experiencing the changes in the socio - economic history of Kho Mu people, Ngoi district, there have been some changes contributing to the development of Luangprabang province in general and Ngoi district in particular always bring into play high value in the ethnic community.

Keywords: *Laos, Luang Prabang, ethnic, Kho Mu, economic - social*

Ngày nhận bài: 17/8/2018; Ngày phản biện: 20/9/2018; Ngày duyệt đăng: 12/10/2018

* *Tel: 0942 781982; Email: hoangmyhanh@dhsptn.edu.vn*